

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 01 - 2026

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phùng Thị Loan** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực A - Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mộng Đẹp** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực A - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 438/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị S**, sinh ngày 27/11/1966. Địa chỉ: Khóm 4, phường G, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Phan Quốc T**, sinh ngày 02/01/1970. Địa chỉ: Khóm 4, phường G, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 7 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị S trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Phan Quốc T tự nguyện tiến đến hôn nhân với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân phường G, tỉnh Cà Mau) vào năm 2002. Trong cuộc sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn đến mức trầm trọng, không hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

- *Về con chung*: Bà và ông T có 02 con chung tên Phan Quốc T sinh ngày 06 tháng 06 năm 1998 và Phan Thị Lan A sinh ngày 01 tháng 12 năm 2001. Hiện các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cà Mau phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà S. Con chung đã trưởng thành nên không xem xét. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Phạm Thị S khởi kiện bị đơn ông Phan Quốc T có địa chỉ tại Khóm 4, phường G, tỉnh Cà Mau nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực A - Cà Mau.

[3] Do bà S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bà S, ông T là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân*: Bà Phạm Thị S và ông Phan Quốc T tự nguyện tiến đến hôn nhân với nhau và được Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân phường G, tỉnh Cà Mau) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30 tháng 12 năm 2002 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà S xác định trong cuộc sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn đến mức trầm trọng, không hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

[5] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Xét thấy: Mọi quan hệ hôn nhân của bà S và ông T không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn.

Mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa nhưng ông T không đến. Việc ông T không đến Tòa án đã thể hiện ý chí không muốn hàn gắn tình cảm với bà S. Do đó, không có điều kiện để bà S và ông T hàn gắn tình cảm, khả năng đoàn tụ là không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phạm Thị S đối với ông Phan Quốc T.

[6] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà S và ông T có 02 người con chung tên Phan Quốc T sinh ngày 06 tháng 06 năm 1998 và Phan Thị Lan A sinh ngày 01 tháng 12 năm 2001, hiện các con chung đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: Do không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[9] Về án phí: Bà S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phạm Thị S. Cho bà Phạm Thị S ly hôn với ông Phan Quốc T.

2. *Về con chung*: Con chung đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng, bà Phạm Thị S phải chịu. Bà Phạm Thị S đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002707 ngày 21 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được chuyển thu toàn bộ.

Ông Phan Quốc T không phải chịu án phí.

5. Án xử sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực A - Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- UBND phường G, tỉnh Cà Mau;
(GCNKH số: 129 ngày 22/9/2025)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Kim Nhi